

Một số vấn đề nổi bật trong chiến lược hướng ngoại của Trung Quốc năm 2017

Phí Vĩnh Tường^(*)

Tóm tắt: Năm 2017, trong bối cảnh bất ổn kinh tế trong nước và sự phòng vệ của các nền kinh tế phát triển trước sự trỗi dậy của Trung Quốc, Chính phủ và các doanh nghiệp Trung Quốc đã có những điều chỉnh căn bản. Chính phủ Trung Quốc vẫn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (ODI - Outbound Direct Investment) và có những định hướng cụ thể hơn. Các doanh nghiệp tập trung đầu tư vào những ngành, những khu vực địa lý nhất định, nhất quán với chiến lược hướng ngoại của Chính phủ.

Từ khóa: Chiến lược hướng ngoại, Khoa học công nghệ, Mua bán và sáp nhập, Trung Quốc

Abstract: In the context of domestic economic instability and protection policy of developed economies in the wake of China, the Chinese government and enterprises have made basic adjustments in 2017. While continuing its facilitation of enterprises' outbound foreign direct investment, the government has established a set of specific orientations. Enterprises, on focusing on investment in certain sectors and regions, have demonstrated consistency with the government's outward strategy.

Keywords: Outward Strategy (zou chuqu), Sciences & Technology, Acquisition & Merge, China

I. Đặt vấn đề

Đối với các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi, phát triển kinh tế với mục tiêu bất kịp trình độ của các nền kinh tế phát triển là một thách thức lớn. Quá trình thực hiện mục tiêu đó có thể chia thành hai giai đoạn, nhìn từ góc độ xây dựng năng lực khoa học công nghệ và mức độ phụ thuộc vào nước ngoài trong xây dựng và phát triển năng lực khoa học công nghệ.

Giai đoạn thứ nhất, khi mới mở cửa và khoảng cách năng lực khoa học công nghệ trong nước với các nền kinh tế phát triển còn quá lớn, việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ trên cơ sở thu hút đầu tư nước ngoài được xem là giải pháp hiệu quả. Nhiều nền kinh tế đang phát triển đã đổi mới chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hay xây dựng các chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp từ các nền kinh tế phát triển - các doanh nghiệp muốn chiếm

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: phivinhthuong@gmail.com

lĩnh các thị trường tiêu dùng mới, khai thác nguồn tài nguyên và nhân lực giá rẻ để gia tăng lợi nhuận. Thực tiễn phát triển không như kỳ vọng, các nền kinh tế tăng trưởng dựa vào xuất khẩu và dựa vào thu hút FDI phải đối mặt với những vấn đề phát triển như ô nhiễm môi trường, cạnh tranh loại trừ giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa, thất thu thuế,... và nhiều vấn đề phát triển khác.

Nguyên nhân căn bản là năng lực khoa học công nghệ của các nền kinh tế không hoặc chậm được cải thiện so với kỳ vọng sau khi xuất hiện các doanh nghiệp FDI. Mặc dù có sự hiện diện của các doanh nghiệp FDI nhưng các nền kinh tế khó nắm bắt được các công nghệ tiên tiến, thậm chí cả công nghệ lạc hậu của thế giới, do quá trình chuyển giao diễn ra chậm. Ở giai đoạn này, các công nghệ cốt lõi và hoạt động sản xuất dựa trên công nghệ cốt lõi vẫn được các doanh nghiệp FDI duy trì ở chính quốc gia của họ.

Giai đoạn thứ hai, khi đạt đến một trình độ phát triển nhất định, các nền kinh tế bắt đầu đẩy mạnh hoạt động ODI, song song với việc thu hút FDI. Đây là giải pháp giúp các nền kinh tế đi sau sở hữu các nguồn lực chiến lược - những nguồn lực đảm bảo sự phát triển bền vững nhưng không được chuyển giao dưới hình thức FDI. Vì vậy, bên cạnh các dòng FDI từ nhóm các nền kinh tế phát triển vào nhóm các nền kinh tế đang phát triển, hay giữa các nền kinh tế phát triển, xuất hiện dòng FDI từ các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi vào các nền kinh tế phát triển.

ODI của các doanh nghiệp Trung Quốc được xem là trường hợp điển hình của dòng FDI từ các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi vào các nền kinh tế phát triển. Mục tiêu quan trọng nhất của dòng ODI này

đối với Trung Quốc là nhanh chóng tiếp cận các công nghệ tiên tiến của Mỹ và châu Âu. Biện pháp chủ yếu là thông qua hoạt động mua bán, sáp nhập (M&A) doanh nghiệp cũng như chiếm lĩnh thị trường ngay tại các nền kinh tế phát triển - *hoạt động đó được biết đến như là “chiến lược hướng ngoại” của Trung Quốc.*

II. Một số vấn đề nổi bật trong chiến lược hướng ngoại của Trung Quốc

1. Nội dung chiến lược hướng ngoại của Trung Quốc giai đoạn 2005-2017

Trung Quốc đã đạt được những kết quả nhất định trong tăng trưởng kinh tế và phát triển nhờ thu hút FDI. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển gắn với sự phụ thuộc vào công nghệ của các doanh nghiệp FDI, một số vấn đề như lan tỏa công nghệ chậm, chuyển giá,... đã làm thay đổi quan điểm của Chính phủ Trung Quốc về con đường phát triển cũng như các biện pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển.

Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc đánh dấu sự chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế gắn với việc ra đời khái niệm “trạng thái bình thường mới” của Chính phủ Trung Quốc, gồm một số điểm chủ yếu sau (Huang, Xia, 2018):

- Điều chỉnh tốc độ tăng trưởng kinh tế từ mức cao sang mức trung bình đến cao;
- Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế;
- Chuyển đổi động lực tăng trưởng, từ dựa vào xuất khẩu, đầu tư sang dựa chủ yếu vào sáng tạo, tiêu dùng.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế gắn với sự điều chỉnh chiến lược ngoại giao của Trung Quốc thể hiện ở một số điểm sau:

- Đẩy mạnh triển khai sáng kiến *Vành đai và Con đường* (OBOR);
- Thành lập Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB);

- Thúc đẩy quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ (NDT);

- Thử nghiệm xây dựng khu thương mại tự do ở Thượng Hải, Phúc Kiến, Quảng Đông, Thiên Tân;

- Đẩy nhanh việc mở cửa các vùng biên, thực hiện chính sách và phương thức đặc thù trong hợp tác kinh tế, đi lại, thanh toán biên mậu, kết nối hạ tầng với các nước láng giềng;

- Nâng cấp khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN;

- Đưa ra sáng kiến mới về hợp tác sông Lan Thương - Mê Kông;

- Thúc đẩy xây dựng khu thương mại tự do châu Á - Thái Bình Dương;

- Thúc đẩy đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)...

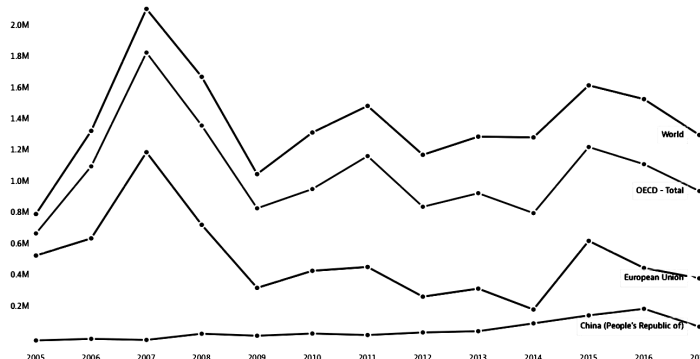
Từ một nền kinh tế tăng trưởng dựa vào xuất khẩu hàng hóa, Trung Quốc đã nỗ lực chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa vào hoạt động đầu tư ra nước ngoài - xuất khẩu vốn - được thực hiện bởi cả Chính phủ và các doanh nghiệp.

Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện “chiến lược hướng ngoại” (năm 2005) qua hình thức M&A nhằm sở hữu được các doanh nghiệp Âu - Mỹ. Mục tiêu của “chiến lược hướng ngoại” là nhằm tiếp cận được những công nghệ tiên tiến và/hoặc làm chủ các nguồn tài nguyên - đầu vào cho hoạt động sản xuất trong nước; và giúp các doanh nghiệp Trung Quốc tránh các biện pháp bảo hộ của chính phủ các nền kinh tế châu Âu và Mỹ.

Với chiến lược hướng ngoại, quy mô vốn ODI của Trung Quốc có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2005-2016, cụ thể tăng từ 13,7 tỷ USD năm 2005 lên 43,89 tỷ USD

năm 2009 và đạt mức đỉnh 216,42 tỷ USD vào năm 2016, trong khi FDI của thế giới

Hình 1: Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc trong tương quan với thế giới



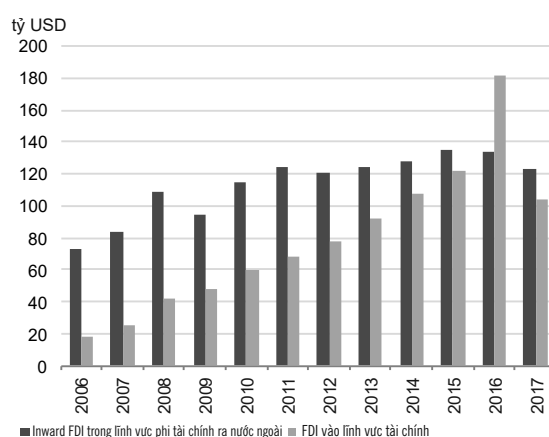
Nguồn: Số liệu thống kê của OECD, 2019.

nói chung và các nền kinh tế phát triển hay cộng đồng châu Âu nói riêng có xu hướng giảm và biến động mạnh (hình 1).

Giống kinh nghiệm của Nhật Bản, Trung Quốc cũng dành một tỷ trọng vốn ODI hướng tới các nền kinh tế phát triển, nhằm khai thác nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như sở hữu năng lực công nghệ - những nguồn lực phát triển không đi theo dòng FDI vào Trung Quốc.

Quy mô vốn ODI của Trung Quốc kể từ năm 2006 đã tăng nhanh trong tương quan với vốn FDI của các doanh nghiệp thế

Hình 2: Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc



Nguồn: Theo: Huang, Xia, 2018.

giới vào Trung Quốc. Năm 2016, dòng vốn ODI của Trung Quốc ra thế giới đã vượt dòng vốn FDI của thế giới vào Trung Quốc khoảng 33% (hình 2).

Đi đầu trong việc áp dụng phương thức này là Haier với các thương vụ M&A đối với các doanh nghiệp Nhật Bản (Sanyo) và đặt cơ sở sản xuất hàng điện tử tại Mỹ. Tiếp đó là những thương vụ, bao gồm Lenovo mua lại mảng máy tính cá nhân của hãng IBM, Tổng công ty điện tử Trung Quốc (China Electronic Corporation) mua lại mảng di động của Philips Electronics, Tập đoàn Hualì mua lại mảng nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực CDMA của Philippines, hay hãng TCL thực hiện M&A với hãng Thomson tại Pháp. Các doanh nghiệp công nghệ của Trung Quốc tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Mỹ nhằm mục tiêu sở hữu các công nghệ hiện đại. Năm 2016, dòng vốn ODI của Trung Quốc (bao gồm cả tư nhân và Chính phủ) đã tập trung vào nhóm các doanh nghiệp công nghệ cao của Mỹ, thực hiện thông qua các hình thức như mua lại doanh nghiệp, mua lại sáng kiến của doanh nghiệp trong các ngành chăm sóc sức khỏe, dược phẩm, trí thông minh nhân tạo (AI) và các ngành khác...

Nhiều nghiên cứu cho rằng các hoạt động ODI của doanh nghiệp Trung Quốc được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Chính phủ Trung Quốc, và thậm chí còn được Chính phủ tài trợ (Greenberg Center, 2017; Wang, Hong, Kafouros and Boateng, 2012). Bên cạnh các hoạt động tìm kiếm, sở hữu các nguồn lực công nghệ cao ở Mỹ, các doanh nghiệp Trung Quốc cũng tiến hành đầu tư ODI nhằm tìm kiếm, sở hữu các nguồn lực này ở châu Âu, cụ thể ở các quốc gia như Pháp, Đức,...

Trong giai đoạn 2013-2017, ODI của Trung Quốc vào khu vực châu Âu và châu

Á ưu tiên cho các nền kinh tế thuộc sáng kiến *Vành đai và Con đường*. Chính phủ Trung Quốc thúc đẩy thực hiện sáng kiến này trên cơ sở gắn hoạt động ngoại giao với hoạt động đầu tư. Tổng Bí thư, Chủ tịch Tập Cận Bình đã thăm 37 nền kinh tế, trong đó có 27 nền kinh tế thuộc châu Âu và châu Á trong giai đoạn từ tháng 9/2013 - 8/2016. Cùng giai đoạn đó, các doanh nghiệp Trung Quốc đã thực hiện được 38 dự án đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông quy mô lớn ở 26 nền kinh tế thuộc sáng kiến *Vành đai và Con đường*, hơn 40 dự án đầu tư quy mô lớn trong lĩnh vực năng lượng ở 19 nền kinh tế thuộc sáng kiến này. Tổng số vốn ODI lũy kế trong giai đoạn 3 năm dành cho các nền kinh tế thuộc sáng kiến *Vành đai và Con đường* đã vượt 51,1 tỷ USD, tương đương 12% tổng mức đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc (Nguyễn Quang Thuấn, 2018).

Đối với các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi, dòng vốn ODI của Trung Quốc tập trung vào các nền kinh tế mới nổi BRICs, khu vực Trung Đông và châu Phi. Mục tiêu đối với ODI ở các khu vực này là sở hữu các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo năng lực cung ứng đầu vào cho nhu cầu sản xuất trong nước, chiếm lĩnh các thị trường đông dân, phục vụ nhu cầu xuất khẩu hàng tiêu dùng được sản xuất bởi các doanh nghiệp Trung Quốc.

2. Những điểm nổi bật của Trung Quốc trong chiến lược hướng ngoại năm 2017

2.1. Quy mô vốn đầu tư ra nước ngoài giảm mạnh nhưng có tính tập trung cao

Năm 2016, vốn ODI của Trung Quốc đạt mức tăng trưởng lớn nhất trong thời kỳ 2005-2017, với tổng vốn đầu tư 216,4 tỷ USD, trong đó có 181 tỷ USD vốn đầu tư phi tài chính. Tăng trưởng vốn ODI nói chung và vốn ODI phi tài chính nói riêng lần lượt là 24% và 43% so với năm 2015.

Vốn ODI phi tài chính của Trung Quốc cũng lớn hơn nhiều so với vốn FDI phi tài chính vào Trung Quốc cùng kỳ (123,4 tỷ USD) (OECD data, 2019).

Năm 2017, quy mô vốn ODI ra nước ngoài của Trung Quốc sụt giảm mạnh, với quy mô vốn ODI phi tài chính là 120,1 tỷ USD, giảm khoảng 33,7%. Nguyên nhân căn bản của sự sụt giảm là do đồng NDT mất giá (tháng 8/2015) và việc Chính phủ Trung Quốc áp dụng các biện pháp giảm dòng vốn ODI ra nước ngoài nhằm hạn chế các nguy cơ bất ổn đối với nền kinh tế. Bên cạnh đó, Chính phủ Trung Quốc cũng đã tăng cường kiểm soát, giám sát hoạt động ODI của doanh nghiệp nhằm hạn chế những rủi ro và tác động tiêu cực của nó đối với nền kinh tế trong nước; xử lý những vấn đề nội tại của nền kinh tế; và đối phó với phản ứng của thế giới.

Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia (NDRC) đã hợp tác với bốn cơ quan nhà nước để thể chế hóa quy trình phê chuẩn các dự án ODI. NDRC đã ban hành “Quan điểm về quy định đầu tư ra nước ngoài và hướng dẫn bổ sung” vào ngày 18/8/2017 (Quan điểm định hướng), theo đó, hoạt động ODI của Trung Quốc được phân loại thành ba nhóm, đó là: Khuyến khích, Hạn chế và Nghiêm cấm (Huang, Xia, 2018).

- *Khuyến khích giao dịch* đối với những hoạt động ODI có ảnh hưởng quan trọng đến chiến lược tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế Trung Quốc, đó là: các dự án mang tính “xuất khẩu hạ tầng” gắn với sáng kiến *Vành đai và Con đường*, các lĩnh vực kinh doanh công nghệ cao, các doanh nghiệp chế tạo hiện đại, các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở nước ngoài, lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực năng lượng và các lĩnh vực dịch vụ như thương mại, văn hóa và hậu cần.

- *Hạn chế giao dịch* những lĩnh vực ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia và/hoặc có xu hướng/thiên hướng chấp nhận những rủi ro một cách bất hợp lý. Những ngành kinh doanh được liệt kê trong nhóm các ngành hạn chế ODI đối với các doanh nghiệp Trung Quốc bao gồm: đầu tư bất động sản, câu lạc bộ thể thao (bóng đá...), công nghiệp phim và giải trí,...

- *Cấm giao dịch* đối với những ngành ODI có khả năng đặt lợi ích quốc gia hoặc an ninh quốc gia vào thế nguy hiểm và chịu sự kiểm soát nghiêm ngặt, chặt chẽ như những ngành công nghiệp tình dục hay đánh bạc.

Một điểm đáng chú ý là nội dung “Quan điểm định hướng” yêu cầu các doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc phải đệ trình kế hoạch đầu tư chi tiết và phải đợi sự phê chuẩn, thẩm định của Chính phủ.

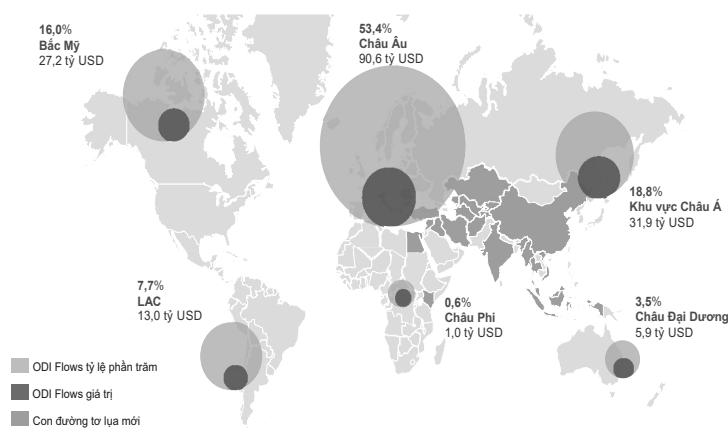
2.2. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của tư nhân song hành với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Chính phủ Trung Quốc

Mặc dù quy mô vốn ODI của Trung Quốc năm 2017 giảm mạnh do các yếu tố khách quan và chủ quan, nhưng lĩnh vực đầu tư có tính tập trung cao hơn. Năm 2017, ODI đã thể hiện rõ tính ưu tiên đối với khu vực châu Âu, nhất là các quốc gia thuộc sáng kiến *Vành đai và Con đường*.

Đầu tư của Chính phủ và doanh nghiệp Trung Quốc năm 2017 gắn chặt với sáng kiến *Vành đai và Con đường*. Mặc dù thống kê về quy mô vốn ODI phi tài chính của Trung Quốc giữa các nguồn không đồng nhất (Xem: OECD data, 2019; Huang, Xiang, 2018), song sự khác biệt về quy mô vốn ODI của năm 2017 so với năm 2016, và mức độ tập trung ODI theo khu vực là rõ ràng (hình 3).

Quy mô vốn ODI vào khu vực Bắc Mỹ đã giảm trên 50% trong giai đoạn 2016-

Hình 3: Cơ cấu đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và chứng khoán của Trung Quốc theo khu vực địa lý năm 2017



Nguồn: Theo: Huang, Xia, 2018.

2017, từ 55 tỷ USD xuống còn 27,2 tỷ USD; tỷ trọng vốn ODI đối với khu vực Bắc Mỹ đã giảm 17,1 điểm phần trăm, từ 33,1% (năm 2017) xuống còn 16% (năm 2016). Tương tự, quy mô vốn ODI và tỷ trọng vốn ODI đối với các khu vực châu Phi, Mỹ La tinh hay châu Đại Dương năm 2017 đều sụt giảm so với năm 2016 (hình 3).

Trong khi đó, khu vực châu Âu và châu Á đã nhận được những khoản đầu tư lớn từ Trung Quốc. Trong bối cảnh tổng vốn ODI của Trung Quốc bị cắt giảm và các lĩnh vực đầu tư bị hạn chế hoặc bị cấm tăng lên, con số đầu tư này càng nhấn mạnh tầm quan

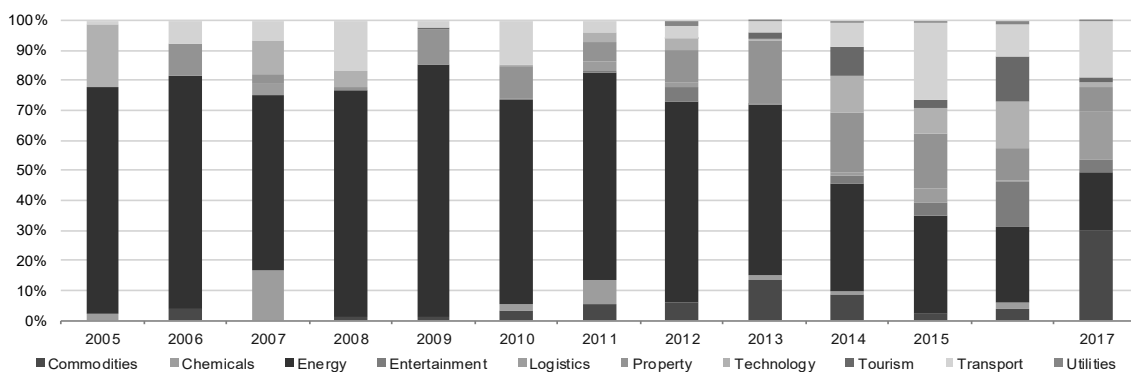
trọng và ý nghĩa của khu vực châu Âu và châu Á trong chiến lược hướng ngoại của Trung Quốc.

Tổng số vốn ODI của Trung Quốc vào châu Âu năm 2017 là 90,6 tỷ USD, tăng 45,1 tỷ USD so với năm 2016. Tỷ trọng vốn đầu tư dành cho khu vực châu Âu trong tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đã tăng 20 điểm phần trăm, từ 33,2% năm 2016 lên 53,4% năm 2017. Khu vực châu Á tăng ít hơn, với quy mô vốn đầu tư chỉ tăng từ 25 tỷ USD (năm 2016) lên mức 31,9 tỷ USD (năm 2017), tương đương với mức thay đổi 3,7 điểm phần trăm trong tổng số vốn đầu tư của Trung Quốc ra thế giới (OECD data, 2019).

2.3. Ngành sản xuất hàng tiêu dùng chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc.

Cơ cấu vốn ODI của Trung Quốc năm 2017 có sự thay đổi rõ ràng (hình 4). Số liệu thống kê của Trung Quốc (tháng 8/2017) cho thấy không có bất cứ hoạt động đầu tư nào liên quan đến lĩnh vực bất động sản,

Hình 4: Cơ cấu đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc theo ngành năm 2017



Nguồn: Theo: Huang, Xia, 2018.

lĩnh vực kinh doanh giải trí và thể thao. Lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng (commodities) và lĩnh vực năng lượng (energy) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn ODI của Trung Quốc (49,4%) năm 2017. Tuy nhiên, nếu nhìn vào lịch sử ODI của Trung Quốc kể từ năm 2005 đến nay, tỷ trọng này cũng đã giảm đáng kể trong cơ cấu vốn đầu tư.

Trong khi đó, những lĩnh vực sản xuất khác như lĩnh vực bán buôn và bán lẻ (utilities), lĩnh vực công nghệ (technology) đều có sự thu hẹp quy mô, tỷ trọng đầu tư. So với giai đoạn 2005-2016, quy mô vốn ODI của Trung Quốc năm 2017 đã giảm đáng kể, chỉ chiếm tỷ trọng chưa đến 2%. Điều này phần nào phản ánh sự lớn mạnh trong lĩnh vực công nghệ của Trung Quốc trong hơn một thập niên vừa qua.

Nổi bật trong chiến lược hướng ngoại của Trung Quốc năm 2017 thể hiện ở quy mô vốn ODI trong lĩnh vực hậu cần (logistics) và hạ tầng giao thông vận tải (transport). Quy mô vốn đầu tư trong hai lĩnh vực này chiếm khoảng 19% tổng quy mô vốn ODI của Trung Quốc và vượt trội so với quy mô đầu tư của những năm trước đó, nhất là lĩnh vực hậu cần. Điều này cho thấy mức độ hưởng lợi của các doanh nghiệp Trung Quốc nhờ sáng kiến *Vành đai và Con đường* của Chính phủ.

Đối với lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, các nền kinh tế châu Âu như Bulgaria, Hy Lạp, Thụy Sĩ, Nga, Anh là những nền kinh tế đang thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ Trung Quốc. Trong tổng số vốn ODI của Trung Quốc vào lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, các nền kinh tế châu Âu đã thu hút khoảng 75,5 tỷ USD, trong đó có các dự án quy mô đầu tư lớn vào nông nghiệp của Bulgaria, Thụy Sĩ. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Brazil cũng là nền kinh tế hấp dẫn đối với các doanh nghiệp Trung Quốc.

Từ góc độ phát triển của doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước của Trung Quốc, có thể thấy sự khác biệt về quy mô đầu tư theo hình thức sở hữu. Các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước dường như dễ dàng được phê duyệt vốn ODI hơn các doanh nghiệp tư nhân. Một trong những vấn đề của các doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc là tính hợp pháp của dòng tiền đầu tư từ khu vực này. Có những ý kiến cho rằng, dòng tiền đầu tư của khu vực doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc một phần mang nguồn gốc bất hợp pháp. Tuy nhiên, chính sự phân biệt đối xử như vậy đã tạo ra những nghi ngờ về sự can thiệp ngoài mục đích kinh tế của Chính phủ khi các doanh nghiệp nhà nước thực hiện hoạt động ODI như đã trình bày ở trên.

2.4. Khó khăn và xu hướng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc sau 2017

Có thể nói, chiến lược hướng ngoại của Trung Quốc không được nhiều nước phát triển (trong đó có Mỹ và các đồng minh) hoan nghênh. Trong hơn một thập niên thực hiện chiến lược hướng ngoại, nền kinh tế Trung Quốc đã đạt được những thành công nhất định, thể hiện qua sự phát triển vượt bậc về công nghệ quốc phòng, công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải hay lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghiệp năng lượng...

Sự cải thiện năng lực khoa học công nghệ giúp các doanh nghiệp Trung Quốc có khả năng cạnh tranh được với các doanh nghiệp của các nền kinh tế phát triển, đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới. Tuy nhiên, điều này cũng khiến quá trình thực hiện chiến lược hướng ngoại, tìm kiếm các tài sản chiến lược của Trung Quốc gặp nhiều khó khăn hơn.

Trung Quốc đã từng gặp những rào cản trong quá trình thực hiện chiến lược hướng ngoại từ phía các nền kinh tế phát triển như trường hợp can thiệp của chính phủ các nước dẫn tới những thất bại của kế hoạch M&A với Công ty Khai thác quặng sắt Rio Tinto của Úc hay kế hoạch M&D với Unocal của Mỹ năm 2005. Giai đoạn 2017-2018, thế giới tiếp tục chứng kiến những khó khăn của Trung Quốc trong thực hiện chiến lược hướng ngoại khi các công ty điện tử của Trung Quốc vướng vào những vấn đề pháp lý, an ninh trong việc cung cấp dịch vụ 5G cho chính phủ của nhiều quốc gia trên thế giới.

Không chỉ gặp khó khăn trong vấn đề tìm kiếm các tài sản chiến lược thông qua M&A, việc chiếm lĩnh thị trường tiêu dùng của các doanh nghiệp Trung Quốc sau khi đạt được những thành tựu và năng lực công nghệ cũng gặp nhiều khó khăn. Năm 2012, Ủy ban tình báo Hạ viện Mỹ đã coi hai hãng công nghệ của Trung Quốc là Huawei và ZTE ẩn chứa đe dọa an ninh đối với Mỹ và khuyến cáo các doanh nghiệp Mỹ không nên hợp tác với các công ty này (Phúc Minh, 2012). Năm 2017, Mỹ xử phạt một doanh nghiệp công nghệ của Trung Quốc, tiếp đó là sự kiện một lãnh đạo công ty công nghệ khác của Trung Quốc bị bắt khi đến một quốc gia Bắc Mỹ vào năm 2018. Tuy nhiên, đó chỉ là những kết quả của sự xung đột từ nhiều năm trước, những vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia đã và đang được đưa ra như là một công cụ để ngăn cản các doanh nghiệp công nghệ tiếp cận thị trường của nền kinh tế phát triển, đặc biệt là thị trường Mỹ và đồng minh của Mỹ.

Với những thay đổi ở các thị trường Bắc Mỹ, châu Âu, cũng như những hành lang chính trị được Chính phủ Trung Quốc

chuẩn bị (sáng kiến *Vành đai và Con đường*), có thể thấy xu hướng ODI của Trung Quốc trong những năm tới sẽ tập trung nhiều hơn vào thị trường châu Âu và châu Á.

Trong các lĩnh vực đầu tư, lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông sẽ thu hút một lượng vốn lớn và Trung Quốc (với tư cách là nước khởi xướng sáng kiến *Vành đai và Con đường*) sẽ được hưởng lợi nhiều hơn. Sáng kiến *Vành đai và Con đường* cũng được tài trợ bởi các ngân hàng Trung Quốc và được xem như là một nguồn tăng trưởng tín dụng tiềm năng của Trung Quốc trong những năm tới.

Bên cạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, các hoạt động ODI của các doanh nghiệp Trung Quốc trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng sẽ tăng lên nhằm thúc đẩy thương mại qua biên giới của các nền kinh tế nằm trên “Vành đai” và “Con đường”.

III. Kết luận

Năm 2017 đánh dấu sự xoay chuyển trong chiến lược hướng ngoại của Trung Quốc trước những phản ứng của nhiều quốc gia trên thế giới đối với chiến lược, cũng như những khó khăn bên trong. Trong sự điều chỉnh đó - nhất quán với sáng kiến *Vành đai và Con đường* - có những điểm nổi bật sau:

- Tính tập trung, tính ưu tiên của dòng vốn ODI ra nước ngoài của Trung Quốc tăng lên, mặc dù quy mô vốn giảm xuống.
- ODI của doanh nghiệp Trung Quốc song hành với của chính phủ và tuân thủ theo định hướng chỉ đạo của chính phủ.
- Lĩnh vực xuất khẩu hạ tầng vẫn là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong vốn ODI của Trung Quốc.
- Bên cạnh lĩnh vực hạ tầng, lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng có xu hướng nâng cao tỷ trọng trong vốn ODI □

Tài liệu tham khảo

1. Betty Huang and Le Xia (2018), *China: ODI from the Middle Kingdom: What's next after the big turnaround?*, BBVA Research, https://www.bbva.com/wp-content/uploads/2018/02/201802_ChinaWatch_China-Outward-Investment_EDI.pdf.
2. Cui, L., & Jiang, F. (2018), *State Ownership Effect on Firms' FDI Ownership Decisions Under Institutional Pressure: A Study of Chinese Outward-Investing Firms*. In *State-Owned Multinationals* (pp. 111-144), Palgrave Macmillan, Cham.
3. Lê Chí Dũng (2013), “Đầu tư của Trung Quốc ở Mỹ: Sự khởi đầu cho một làn sóng”, Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 10 (187).
4. Greenberg Center (2017), *Chinese Investment in Critical U.S. Technology: Risks to U.S. Security Interests*, *Geoeconomic Studies*, <https://www.cfr.org/report/chinese-investment-critical-us-technology-risks-us-security-interests>, truy cập ngày 20/12/2018.
5. Nguyễn Thu Hà, (2019), “Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc: 5 năm nhìn lại”, Tạp chí *Cộng sản online*, truy cập ngày 18/5/2019, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2019/54516/Sang-kien-Vanh-dai-Con-duong-cua-Trung-Quoc-5-nam-nhin.aspx>
6. Kolstad, I., & Wiig, A. (2012), “What determines Chinese outward FDI?”, *Journal of World Business*, 47(1), 26-34.
7. Việt Lê (2009), “Chiến lược hướng ngoại”, *Sài Gòn giải phóng*, <http://www.sggp.org.vn/chien-luoc-huong-ngoai-276857.html>, truy cập ngày 10/12/2018.
8. Phúc Minh (2012), “Đại gia Viễn thông Trung Quốc ‘đe dọa an ninh Mỹ’”, *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, <http://vneconomy.vn/cuoc-song-so/dai-gia-vien-thong-trung-quoc-de-doa-an-ninh-my-01210090812585.htm>, truy cập ngày 10/12/2018.
9. OECD data (2019), *FDI Flows*, <https://data.oecd.org/fdi/fdi-flows.htm>, truy cập ngày 10/12/2018.
10. Nguyễn Quang Thuấn (2018), “Điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc: tác động đến thế giới, khu vực và Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 3.
11. Wang, C., Hong, J., Kafourous, M., & Boateng, A. (2012), “What drives outward FDI of Chinese firms? Testing the explanatory power of three theoretical frameworks”, *International Business Review*, 21, 425-438.